

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BA
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2021/HNGĐ-ST.

Ngày: 18 tháng 3 năm 2021.

V/v “Hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA-TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tạ Hồng Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Mạnh Cường và ông Đào Trung Kiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Vi Thị Năm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Anh Tú - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 3 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 249/2020/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2020 về việc “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 02 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự;

Nguyên đơn: Chị **Đinh Thị Thục H** - Sinh năm 1995

Nơi cư trú: Thôn A, xã A, thành phố T, Tuyên Quang

Bị đơn: Anh **Hà Anh Ngọc** - Sinh năm 1993

Nơi cư trú: Khu 1, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ;

Chị H và anh N đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Chị Đinh Thị Thục H vắng tại phiên tòa, nhưng theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án, chị H trình bày về nội dung và yêu cầu khởi kiện của mình như sau: Chị H và anh Hà Anh N tự nguyện kết hôn với nhau ngày 12/7/2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Hà, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn thì đến ngày 25/9/2019, anh N đi làm ăn xa không về, còn chị ở nhà bố mẹ đẻ tại xã A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang và kể từ đó cho đến nay vợ chồng không chung sống với nhau nữa, hiện nay anh N ở cùng gia đình tại xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ còn chị vẫn ở nhà bố mẹ đẻ tại xã A, thành phố Tuyên

Quang. Chị xác định hôn nhân của vợ chồng không có hạnh phúc, tình cảm không còn vì vậy yêu cầu được ly hôn anh Hà Anh N.

- Về con chung: Chị H và anh Hà Anh N có với nhau 01 con chung là Hà Ngọc Linh C, sinh ngày 14/11/2019, con chung đang ở với chị tại xã A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi ly hôn chị H yêu cầu được quyền tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác chị H và anh Hà Anh N không có, không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn là anh Hà Anh N vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và có lời khai thể hiện quan điểm như sau: Anh N xác nhận về quan hệ hôn nhân với chị Đinh Thị Thục H như chị H đã trình bày, xác nhận anh và chị H đã không còn sống chung và nay tình cảm không còn vì vậy cũng yêu cầu ly hôn với chị Đinh Thị Thục H.

- Về con chung: Anh N xác nhận anh và chị Đinh Thị Thục H có với nhau 01 con chung là Hà Ngọc Linh C; sinh ngày 14/11/2019, hiện nay con chung đang ở với chị H vì vậy sau khi ly hôn anh N đồng ý để cho chị H được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, việc thay đổi người nuôi con anh sẽ yêu cầu sau.

- Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác anh N xác nhận anh và chị Đinh Thị Thục H không có nên không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Hà Anh N đã được triệu tập thông báo hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải vụ án theo quy định. Sau khi Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử thì anh Hà Anh N và chị Đinh Thị Thục H đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt vì vậy Tòa án quyết định xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị Thục H và anh Hà Anh N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký kết hôn do vậy là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, vợ chồng không có nhiều thời gian sống chung, không có sự gắn bó quan tâm chăm sóc nhau để cùng xây dựng hạnh phúc gia đình đã làm ảnh hưởng đến mối quan hệ và tình cảm vợ chồng. Như vậy, có căn cứ để khẳng định chị H, anh N không còn thực hiện nghĩa vụ của vợ, chồng trong hôn nhân và trên thực tế thì hôn nhân cũng đã không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được do vậy xét yêu cầu ly hôn của chị H và anh N không trái pháp luật nên nên được chấp nhận.

[3]. Về con chung: Chị Đinh Thị Thục H và anh Hà Anh N có 01 con chung như đã trình bày ở trên. Từ trước cho đến nay con chung vẫn do chị H trực tiếp chăm sóc

nuôi dưỡng và ở cùng chị H tại xã A, thành phố T. Chị H yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con, còn anh N cũng đồng ý để cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng con chung, việc thay đổi người nuôi con anh N sẽ yêu cầu sau. Căn cứ vào lời trình bày và yêu cầu của các bên, xét hoàn cảnh thực tế thì con chung vẫn do chị H chăm sóc nuôi dưỡng và hiện còn rất nhỏ cần sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ. Vì vậy, để cho con chung có được sự chăm sóc nuôi dưỡng đầy đủ nhất, đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con nên sau khi ly hôn giao cho chị H được tiếp tục nuôi dưỡng con là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị H tự nguyện không yêu cầu nên trong vụ án này không buộc anh N phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn.

[4]. Tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác: Chị Đinh Thị Thục H và anh Hà Anh N đều xác nhận không có nên không đặt ra giải quyết.

[5]. Án phí: Nguyên đơn là chị Đinh Thị Thục H phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6]. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba đã phát biểu quan điểm, xác định trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H, anh N. Về con chung đề nghị giao cho chị H là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng sau ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 55, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- **Xử:** Cho chị Đinh Thị Thục H và anh Hà Anh N được ly hôn.

- Về nuôi con chung sau ly hôn: Giao cho chị Đinh Thị Thục H được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Hà Ngọc Linh C; sinh ngày 14/11/2019 (hiện nay con đang ở với chị H tại thôn A, xã A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang). Anh Hà Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác không có, không giải quyết.

- Về án phí: Chị Đinh Thị Thục H phải nộp 300.000.đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị H đã nộp 300.000.đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo “*Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án*” số AA/2020/0001600 ngày 30/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện, tỉnh;
- UBND xã T, h. T;
- Các đ- ơng sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- L- u hồ sơ, án văn

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Tạ Hồng Tuấn